

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 9 – 2021
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền.

Bà Phạm Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2021 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 336/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp Tấn N, xã Ngọc C, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Út C, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp Tấn N, xã Ngọc C, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh C tổ chức đám cưới vào năm 2007 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống với nhau hạnh phúc nhưng thời gian về sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, mặc dù gia đình thân tộc hai bên nhiều lần góp ý, hàn gắn nhưng không thành nên anh chị thường xuyên cãi nhau vì bất đồng quan điểm. Từ đó tình cảm giữa chị với anh C không còn gắn bó yêu thương nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai có trách nhiệm với ai, anh chị đã ly thân với nhau gần 06 tháng. Nay chị xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Út C.

- Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Khắc G, sinh ngày 07/11/2008, hiện đang sống cùng với anh C. Khi ly hôn chị đồng ý giao con chung cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Út C trình bày: Anh thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị T về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Út C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh C chung sống với nhau năm 2007, nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo chị T, quá trình chung sống thời gian gần đây xảy ra nhiều mâu thuẫn, mặc dù gia đình hai bên có hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, từ đó chị T nhận thấy chị với anh C không thể chung sống với nhau được nữa, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh C. Đối với anh C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến chị T xin ly hôn mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị T đồng ý giao con chung là Nguyễn Khắc G cho anh C nuôi, đối với anh C yêu cầu được nuôi con chung. Xét thấy: Hiện nay cháu G đang sống cùng với anh C, đồng thời tại biên bản ghi nguyện vọng của cháu thể hiện cháu có nguyện vọng được ở với cha là anh C khi cha, mẹ ly hôn. Do đó để tiếp tục ổn định cuộc sống của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao Nguyễn Khắc G cho anh C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị T và anh Nguyễn Út C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Khắc G, sinh ngày 07/11/2008 cho anh C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Chị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012211 ngày 24/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

